Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 5460 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện CBĐT, quy hoạch	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Dự toán được duyệt			Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ				**13.113**			**5.214**		**5.214**	
I	**Sở Nội vụ**				**914**			**914**		**914**	
1	Xây dựng bản đồ số về An sinh xã hội thuộc ngành nội vụ quản lý (có ứng dụng AI, BigData, tích hợp phân tích dự báo)	Thành phố Cần Thơ	2026	4813/QĐ-UBND ngày 17/9/2026	646			646		646	
2	Nâng cấp, mở rộng Nền tảng Số hóa, đầu tư kho lưu trữ số (Lưu trữ cơ quan; Lưu trữ lịch sử)	Thành phố Cần Thơ	2026	4937/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	268			268		268	
II	**Công an thành phố**				**11.209**			**4.200**		**4.200**	
1	Đầu tư khác				11.209			4200		4200	Cụ thể tại Quyết định riêng (giao chi tiết cho 12 dự án)
III	**Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp**				**990**			**100**		**100**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Cần Thơ (nay là Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ)	phường An Bình	2026	1044/QĐ-BQLDA ngày 16/9/2026	990			100		100	

Phụ lục số II

DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 5460 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương/ Quyết định đầu tư			Vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trước điều chỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tăng	Giảm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSĐP						
	TỔNG SỐ					**8.057.943**	**6.027.943**	**1.268.323**	**748.175**	**4.005.885**		**4.754.060**	
I	**Sở Nội vụ**					**30.000**	**30.000**			**29.086**		**29.086**	
***	**Khởi công mới**					**30.000**	**30.000**			**29.086**		**29.086**	
1	Xây dựng bản đồ số về An sinh xã hội thuộc ngành nội vụ quản lý (có ứng dụng AI, BigData, tích hợp phân tích dự báo)	C	thành phố Cần Thơ	2026-2028	4355/QĐ-UBND ngày 20/08/2026	20.000	20.000			19.354		19.354	
2	Nâng cấp, mở rộng Nền tảng Số hóa, đầu tư kho lưu trữ số (Lưu trữ cơ quan; Lưu trữ lịch sử)	C	thành phố Cần Thơ	2026-2028	4082/QĐ-UBND ngày 12/08/2026	10.000	10.000			9.732		9.732	
II	**Sở Khoa học và Công nghệ**					**47.976**	**47.976**	**42.011**		**862**		**862**	
*	**Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng**					**47.976**	**47.976**	**42.011**		**862**		**862**	
1	Sàn Giao dịch công nghệ	C	Phường An Bình	2022-2024	1867/QĐ-UBND, 22/8/2021; 770/QĐ-UBND, 22/02/2022	29.976	29.976	25.789		860		860	
2	Nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền số, xã hội số của tỉnh	C	Thành phố Cần Thơ	2023-2025	285/QĐ-SKHĐT ngày 29/12/2023	8.000	8.000	6.811		1		1	
3	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh	C	Thành phố Cần Thơ	2023-2025	286/QĐ-SKHĐT ngày 29/12/2023	10.000	10.000	9.411		1		1	
III	**Sở Xây dựng**					**6.408.589**	**4.408.589**	**1.088.697**	**748.175**	**2.571.717**		**3.319.892**	
**	**Dự án chuyển tiếp**					**6.408.589**	**4.408.589**	**1.088.697**	**748.175**	**2.571.717**		**3.319.892**	
1	Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C)	A	Phương Ô Môn, P, Thới An Đông, Phường Phước Thới, Phường Long Tuyền, Phường Cái Răng, Xã Phong Điền, xã Nhơn Ái	2021-2028	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 71/NQ-HĐND ngày 22/10/2026	6.408.589	4.408.589	1.088.697	748.175	2.571.717		3.319.892	
IV	**Công an thành phố**					**10.857**	**10.857**	**9.034**		**1**		**1**	
*	**Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng**					**10.857**	**10.857**	**9.034**		**1**		**1**	
1	Đầu tư khác					10.857	10.857	9.034		1		1	Cụ thể tại Quyết định riêng
V	**Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp**					**138.232**	**108.232**	**113.192**		**467**		**467**	
*	**Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng**					**138.232**	**108.232**	**113.192**		**467**		**467**	
1	Xây dựng mới 4 cầu Viên Bình, Trà Mơn, Lịch Hội Thượng, Hội Trung (ĐT.934), tỉnh Sóc Trăng	B	Xã Lịch Hội Thượng và xã Liêu Tú	2021-2024	4138/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 2950/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	99.335	99.335	74.555		376		376	
2	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông đặc biệt nguy hiểm đoạn sông Hậu, đoạn sông Saintard (thị trấn Đại Ngãi) và đoạn rạch Mọp (xã Song Phụng), huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	C	Xã Đại Ngãi và xã Nhơn Mỹ	2020-2022	1168/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 1546/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 3420/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	38.897	8.897	38.637		91		91	
VI	**Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp**					**884.378**	**884.378**			**883.722**		**883.722**	
***	**Dự án khởi công mới**					**884.378**	**884.378**			**883.722**		**883.722**	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương/ Quyết định đầu tư			Vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trước điều chỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tăng	Giảm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSĐP						
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Ngã Bảy	B	phường Ngã Bảy	2026-2029	4770/QĐ-UBND ngày 15/09/2026	320.000	320.000			319.900		319.900	
2	Đường 3B	B	xã Châu Thành	2026-2029	5048/QĐ-UBND ngày 30/9/2026	207.986	207.986			207.630		207.630	
3	Khu tái định cư Thới An	B	phường Ô Môn	2026-2029	5070/QĐ-UBND ngày 30/9/2026	280.392	280.392			280.292		280.292	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Cần Thơ (nay là Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ)	C	Phường An Bình	2026-2028	4985/QĐ-UBND ngày 25/9/2026	76.000	76.000			75.900		75.900	
VII	**Chi cục thủy lợi**					**519.671**	**519.671**			**519.671**		**519.671**	
***	**Dự án khởi công mới**					**519.671**	**519.671**			**519.671**		**519.671**	
1	Gia cố khẩn cấp sạt lở bờ sông Hậu, ấp Nguyễn Tăng, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ	C	xã Cù Lao Dung	2026-2027	Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 21/9/2026	159.682	159.682			159.682		159.682	Dự án khẩn cấp
2	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ phải sông Trà Nóc (đoạn từ rạch Cầu Cống đến rạch Gừa), phường Thới An Đông, thành phố Cần Thơ	B	Phường Thới An Đông	2026-2027	Quyết định số 4986/QĐ-UBND ngày 25/9/2026	359.989	359.989			359.989		359.989	Dự án khẩn cấp
VIII	**UBND xã Châu Thành**					**1.871**	**1.871**	**1.682**		**157**		**157**	
*	**Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng**					**1.871**	**1.871**	**1.682**		**157**		**157**	
1	Nhà văn hoá ấp Phú Thọ xã Đông Phú	C	xã Châu Thành	2016-2017	2023A/QĐ-UBND ngày 24/6/2016	771	771	640		102		102	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 1, thị trấn Ngã Sáu	C	xã Châu Thành	2024	4337/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	1.100	1.100	1.042		55		55	
IX	**UBND xã Vĩnh Trinh**					**16.369**	**16.369**	**13.707**		**202**		**202**	
*	**Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng**					**16.369**	**16.369**	**13.707**		**202**		**202**	
1	Sửa chữa Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 1	C	xã Vĩnh Trinh	2025-2026	960/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	14.637	14.637	12.220		197		197	
2	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vĩnh Bình	C	xã Vĩnh Trinh	2021-2025	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732	1.732	1.487		5		5	